

I. KHÁI QUÁT VỀ NHỮNG RỦI RO TÍN DỤNG HIỆN NAY

Rủi ro tín dụng là hiện tượng con nợ không trả được nợ cho chủ nợ, hoặc những thiệt hại khác cho chủ nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng gây ra. Rủi ro tín dụng có thể xảy ra cho bất cứ đơn vị kinh doanh nào cho dù nền kinh tế là phát triển hay đang phát triển.

Để giảm thiểu những rủi ro, ngân hàng cần phải thu thập thông tin chi tiết về những yếu tố nêu trên kể cả yếu tố nhân thân của ban lãnh đạo doanh nghiệp bằng bất kỳ hình thức nào, sau đó phân tích đánh giá và lượng hóa bằng những chỉ số, phối hợp với môi trường kinh doanh hiện tại. Trên cơ sở đó sắp xếp hạng mức tín nhiệm của ngân hàng đối với doanh nghiệp thông qua một chỉ số

xuất kinh doanh đều đạt được mức độ tín nhiệm cao để hưởng được món cho vay bằng tín chấp, vì vậy vấn đề doanh nghiệp phải có tài sản để bảo đảm món nợ vay được ngân hàng cung cấp vẫn phải đặt ra, cho nên vốn tự có hay vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp vẫn là một trong những yếu tố dùng để bảo đảm món nợ vay và điều này vẫn là mối quan tâm hàng đầu của ngân hàng khi cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp.

II. NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHÍNH DẪN ĐẾN RỦI RO TÍN DỤNG HIỆN NAY VÀ CÁC GIẢI PHÁP HẠN CHẾ:

Theo chúng tôi, những nguyên nhân chính thường dẫn đến rủi ro tín dụng hiện nay có thể chia thành các loại như sau:

1. Môi trường pháp lý

a. Sự thay đổi luật pháp:

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ VẤN ĐỀ RỦI RO TÍN DỤNG HIỆN NAY

NGUYỄN AN CHUYÊN
Tổng Giám Đốc Ngân Hàng Phương Đông

tổng hợp gọi là "hệ số tín nhiệm" mang tính đặc thù cho từng ngân hàng. Dĩ nhiên hệ số này có thể khác nhau giữa các ngân hàng, nhưng đó là yếu tố không thể thiếu được làm cơ sở định hướng cho quyết định đầu tư hoặc không.

Dựa trên những phân tích đánh giá đó một chính sách cung cấp tín dụng cho các khách hàng sẽ được vạch ra và tùy theo mức độ tín nhiệm ngân hàng sẽ chọn các hình thức ràng buộc khách hàng với ngân hàng. Hiện nay hình thức ràng buộc cho các khoản tín dụng thường là:

-Đối với những khách hàng có mức độ tín tưởng cao, ngân hàng cho tín chấp.

-Đối với những khách hàng có mức tín nhiệm trung bình, ngân hàng cho tín chấp có giới hạn, phần còn lại cho thế chấp để bảo đảm món nợ vay.

-Đối với khách hàng có mức độ tín tưởng kém hơn, Ngân hàng ràng buộc có tài sản thế chấp để bảo đảm món nợ vay.

Trong điều kiện kinh tế của bất cứ một quốc gia nào khó có thể xảy ra tình huống tất cả các đơn vị sản

Sự thay đổi luật pháp luôn ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh cho các pháp nhân kinh tế, do vậy sự thay đổi này ảnh hưởng mạnh đến hoạt động của ngân hàng. Hợp đồng tín dụng là hợp đồng có thời hạn và được ký kết trước hoặc sau khi có văn bản pháp luật ban hành và có hiệu lực, do vậy nếu nội dung một hợp đồng tín dụng ký kết trước khi văn bản pháp luật ban hành mà trái với nội dung của văn bản pháp luật đó thì rất dễ dàng nhận lấy rủi ro. Đối với doanh nghiệp nếu bị một văn bản pháp luật chi phối các hành vi hợp đồng mà họ đã ký kết thì nhất định việc kinh doanh của họ sẽ gặp nhiều khó khăn và họ sẽ không thể tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh của họ.

Ví dụ: Trong thông tư số 25/TC/TCĐN ngày 15/05/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục, nguyên tắc xử lý tài chính khi giải thể doanh nghiệp Nhà nước quy định:

"1/ Các trường hợp bị xem xét tuyên bố giải thể doanh nghiệp:

1.1 - Việc tiếp tục duy trì doanh nghiệp là không cần thiết theo quy

hoạch sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp của các Bộ, ngành, địa phương, tổng công ty...

1.5 - Sau khi đã áp dụng các biện pháp tài chính mà vốn điều lệ của doanh nghiệp vẫn thấp hơn mức vốn pháp định quy định cho ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp..."

Trong hai trường hợp trên ngân hàng khó có thể xác định được doanh nghiệp nào là "không cần thiết" và doanh nghiệp nào sẽ không được cấp đủ vốn điều lệ. Do vậy khi doanh nghiệp bị xem xét giải thể mà ngân hàng đã cho vay rồi thì ngân hàng dễ dàng gặp rủi ro. Thông tư nói trên được ký vào ngày 15.05.1997 mà hầu hết các doanh nghiệp quốc doanh hiện nay đang thiếu vốn điều lệ, nếu họ có khó khăn về kinh doanh và họ xin giải thể thì chắc chắn ngân hàng cho vay sẽ gặp rủi ro.

Trong thông tư này còn có quy định: "kể từ ngày tuyên bố giải thể doanh nghiệp, mọi khoản nợ chưa đến hạn của doanh nghiệp được coi là đến hạn, các khoản nợ được ngừng tính lãi..." như vậy ngân hàng gặp phải 2 rủi ro:

-Khoản nợ chưa thu bị tổn động, nếu thu về được chưa chắc đã cho vay ngay được.

-Lãi không được tính, mặc dù khoản nợ đó đã đưa vào kế hoạch, đã được tính lãi kinh doanh.

Đề xuất:

-Các doanh nghiệp đang tồn tại chỉ bị giải thể khi kinh doanh thua lỗ liên tục không thể khắc phục được, hoặc hết thời hạn kinh doanh mà không được gia hạn.

-Nên áp dụng hình thức bán đấu giá pháp nhân doanh nghiệp hoặc sáp nhập doanh nghiệp nếu doanh nghiệp đang thiếu vốn điều lệ hoặc phải chuyển hướng kinh doanh để pháp nhân tiếp nhận chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng và các chủ nợ khác.

b. Thủ tục tổ tụng dân sự kéo dài:

Môi trường pháp lý còn gây rủi ro cho ngân hàng khi môi trường pháp lý đó chưa hoàn thiện hoặc cách thức thi hành còn chưa đảm bảo tính thời gian, tính nghiêm minh, phát sinh nhiều chi phí do thủ tục tố tụng kéo dài. Ví dụ: Như việc phát mãi tài sản thế chấp hiện nay, để có thể phát mãi một tài sản thế chấp đòi hỏi khá nhiều thủ tục, thời gian, chi phí mà ngân hàng phải nhận chịu rủi ro rất nhiều. Hoặc luật không giải thích một cách đầy đủ gây khó khăn trong việc thực hiện tạo rủi ro cho ngân hàng. Ví dụ: Một hợp đồng có tài sản thế chấp, khi khách hàng không trả được nợ phải chăng ngân hàng chỉ có quyền nhận lấy tài sản thế chấp để

trừ nợ (gán nợ) hoặc phát mãi tài sản thế chấp để thu nợ, thiếu hay đủ ngân hàng cũng phải chịu? Theo chúng tôi, một chủ nợ có quyền đòi hỏi con nợ phải trả hết nợ khi con nợ đó còn tài sản trách nhiệm (tài sản kinh doanh) chỉ khi nào con nợ đó hết tài sản trách nhiệm thì chủ nợ mới chấm dứt quyền đòi nợ, vì vậy nếu tài sản thế chấp khi phát mãi không còn đủ giá trị để trả nợ thì con nợ phải dùng tài sản khác để trả nợ nếu con nợ còn tài sản trách nhiệm.

Ngoài Pháp lệnh ngân hàng và các văn bản liên quan, việc thực hiện và giải quyết các hợp đồng tín dụng khi đáo hạn còn chịu sự chi phối của Bộ Luật dân sự, Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế (26.03.94), Pháp lệnh thi hành án (17.04.93), Luật Phá sản Doanh nghiệp...v.v.v. Do đó khi nợ đáo hạn, nếu con nợ mất khả năng chi trả hoặc cố tình trốn tránh thanh toán nợ thì ngân hàng chỉ có con đường hợp pháp duy nhất là khởi kiện trước tòa án có thẩm quyền. Vấn đề tố tụng trước tòa án hiện nay quá nhiều khê và thường kéo dài qua nhiều giai đoạn làm mất nhiều thời gian, dễ dàng tạo điều kiện thuận lợi cho con nợ có ý đồ, đồng thời gây thiệt hại lớn cho ngân hàng. Thời gian tố tụng kể từ khi khởi kiện cho đến khi có quyết định của tòa án có hiệu lực thi hành rồi đến khi phát mãi được tài sản thu hồi được nợ thường kéo dài gần một năm, chưa kể trường hợp tòa có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo điều 38 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế. Tình trạng này thường làm cho ngân hàng phải chịu đọng vốn trong lúc ngân hàng phải chịu lãi suất cho người gửi. Đây là một thiệt hại lớn cho ngân hàng chưa kể các chi phí phát sinh trong thủ tục tố tụng.

Đề xuất: Để tránh rủi ro cho tín dụng ngân hàng, các cơ quan ban ngành có chức năng, nghiên cứu phương thức rút ngắn thời gian tố tụng hoặc ban hành một thủ tục đặc biệt dành riêng cho việc giải quyết các hợp đồng tín dụng đáo hạn.

2. Rủi ro do môi trường kinh tế

Môi trường kinh tế của Việt Nam hiện nay còn chưa ổn định, các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh còn dựa vào các dự đoán trên cơ sở "ước định thị trường" hay "phó thác cho may rủi" mà chưa có một cách thức dự đoán khoa học, có cơ sở thực tế. Cho nên việc sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều rủi ro trong khâu tiêu thụ sản phẩm hàng hóa. Thị trường tiêu thụ hàng hóa còn rất bất bình, hoặc không được bảo hộ hoặc không được trợ giá... Do vậy mà nhiều khi doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phải chịu rủi ro lớn như các hợp đồng xuất khẩu không được ký kết kịp thời, khả năng

thu mua, bảo quản, chế biến bị giới hạn...v.v.v. Nếu khâu tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn có thể dẫn đến sự lỗ lã và tất nhiên doanh nghiệp sẽ trì hoãn trả nợ ngân hàng. Hàng nhập khẩu không được cân đối với hàng cùng loại được sản xuất trong nước làm cho hàng sản xuất trong nước khó tiêu thụ như đường, sản phẩm gia dụng, sắt thép, xi măng... cũng gây thiệt hại không nhỏ cho các doanh nghiệp trong nước và tất nhiên ảnh hưởng đến việc trả nợ vay ngân hàng.

Đề xuất: Nhà nước cần tăng cường khâu quản lý vĩ mô về quy hoạch thị trường và thông báo những thông tin thị trường đến các nhà sản xuất, các ngân hàng để hạn chế rủi ro về thị trường, tạo ra sự ổn định. Bên cạnh đó cần có sự bảo hộ hàng sản xuất trong nước, cần nhập loại hàng nào, sản xuất loại hàng nào để tránh sự cạnh tranh gay gắt giữa hàng nước ngoài và hàng sản xuất trong nước.

Nhà nước cần lập quỹ bình ổn giá, trợ giá cho những mặt hàng chiến lược như lúa gạo, các nông sản phẩm vào vụ thu hoạch để chống lại sự giảm giá gây thiệt hại cho người sản xuất.

Mặt khác ngành ngân hàng cần có bộ phận nghiên cứu thị trường để có những dự đoán khoa học cho các sản phẩm khi cấp tín dụng.

3. Rủi ro do tỷ giá

Tỷ giá vừa liên quan đến nhà kinh doanh vừa liên quan đến ngân hàng, khi có sự biến động tỷ giá, ngân hàng có thể gặp rủi ro. Nếu tỷ giá tăng (giá ngoại tệ tăng) các doanh nghiệp nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất phải tăng chi phí và có thể bị lỗ. Ngân hàng vay ngoại tệ mà phải trả vào thời điểm tỷ giá tăng sẽ bị thiệt hại, doanh nghiệp trả nợ nước ngoài vào thời điểm đó cũng sẽ gặp rủi ro và những rủi ro của doanh nghiệp sẽ dẫn đến rủi ro cho ngân hàng.

Đề xuất: Để giảm thiểu rủi ro trong lĩnh vực ngoại tệ cần thiết phải áp dụng các phương thức mua bán kỳ hạn.

4. Rủi ro do chính sách tiền tệ

Chính sách tiền tệ của Ngân hàng đặc biệt là chính sách lãi suất, chính sách tín dụng đều có liên quan và ảnh hưởng mạnh đến hoạt động ngân hàng. Khi ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất có thể dẫn đến các ngân hàng thương mại không thu hút được vốn tiền mặt và có thể mất khả năng thanh toán. Ví dụ: Một ngân hàng hoạch định hàng tháng thu hút được 1 tỷ đồng tiền gửi và như vậy đã đẩy mạnh việc cho vay trước đó như thế khi không thu hút được vốn tiền gửi như dự định khi hạ lãi suất sẽ làm cho ngân hàng gặp khó khăn về

thanh khoản.

Đề xuất: Vấn đề định lượng một lãi suất thích hợp cho hoạt động ngân hàng và thời gian tồn tại của nó bao lâu để bảo đảm an toàn tín dụng cho Ngân hàng đồng thời phù hợp với những biến động và tăng trưởng của hoạt động kinh tế vẫn là vấn đề đang được tranh luận, quan điểm vẫn chưa nhất quán. Đây là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu của chính sách tiền tệ mà trong khuôn khổ của một bản tham luận không thể đi sâu. Cho nên hướng đề xuất giải pháp cho vấn đề này xin dành cho một chuyên đề sâu hơn nếu có dịp.

5. Rủi ro do tình trạng yếu kém về tài chính của các doanh nghiệp

Nếu phân chia theo quy mô về vốn thì các công ty được xếp ở cấp 1,2 có số vốn phổ biến bình quân khoảng 5 hoặc 6 tỷ đồng, các công ty cấp 3 khoảng 500 đến 600 triệu đồng.

Nếu phân chia theo ngành nghề: Tỷ đồng

	Vốn bình quân	Vốn lưu động
Nông nghiệp	3	1,2
Thủy sản	4,4	2,2
Xây dựng	6,1	1,7
Thương nghiệp	17,1	8,6
Khách sạn - Nhà hàng	6,5	0,6
Vận tải - Bưu điện	30	2,8
Kinh doanh bất động sản	13,3	1,5

Như vậy vốn tự có của doanh nghiệp quá ít so với hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay.

Theo Ngân hàng Nhà nước 80 đến 90% vốn hoạt động của đơn vị là vốn vay ngân hàng, doanh nghiệp nào khá, dư nợ trên vốn tự có là 2 đến 3 lần, trung bình 4 đến 5 lần, có những doanh nghiệp vốn vay 10 đến 15 lần vốn tự có. Đây là một thực trạng tồn tại từ nhiều năm do từ ngày mới thành lập Nhà nước không giao đủ vốn cho các đơn vị và với tình hình phát triển nóng trong những năm qua và sức cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường càng ngày càng cao, để tồn tại doanh nghiệp buộc lòng phải đi vay thêm.

Ngân hàng nếu căn cứ trên những chỉ số tài chính cơ bản để bảo đảm rủi ro tín dụng như:

1. Chỉ số về độ loãng: (tài sản lưu động/nợ phải trả) bình quân ổn định: 2,5 lần

2. Tỷ số tối hoạt: Tài sản lưu động - Trị giá hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn

Bình quân ổn định là 1 lần

3. Tỷ số: Tổng số Nợ / Tổng Tài sản Có

Nên dưới 50%

thì khi so sánh với thực trạng tài chính của các doanh nghiệp nhà nước

hiện nay với các khoản tín dụng đã được ngân hàng cung cấp thì rõ ràng ngân hàng đang đối đầu với những rủi ro quá cao, thêm vào đó nghị định 59/CP quy định "doanh nghiệp chịu trách nhiệm hữu hạn về dân sự đối với hoạt động kinh doanh trước pháp luật trong phạm vi vốn doanh nghiệp trong đó có phần vốn nhà nước giao" thì với thực trạng vốn của các doanh nghiệp nhà nước như đã nêu, ngân hàng có nên cho vay hay không? Bởi lẽ các doanh nghiệp phá sản rủi ro đến với ngân hàng quá cao khi khả năng thu lại tài sản sau thanh lý quá thấp.

Nếu cho rằng dựa trên hiệu quả kinh doanh của xí nghiệp với những phương án khả thi để ngân hàng cho vay thì trong điều kiện tình hình tài chính còn yếu kém có nhiều bất trắc có thể xảy ra cho doanh nghiệp, các phương án kinh doanh khả thi ấy liệu có thể thực hiện hoàn tất mà không mang lại một rủi ro nào cho ngân hàng? Trong những điều kiện bấp bênh của tình hình tài chính, hiệu quả của một phương án khả thi hoàn toàn không đảm bảo cho món vay, bởi lẽ trong tình hình bấp bênh đó rủi ro cho doanh nghiệp có thể xảy ra bất kỳ lúc nào cho dù phương án ấy đang đem lại hiệu quả. Do vậy ngân hàng chỉ nên xem xét các phương án khả thi trong điều kiện tình hình tài chính lành mạnh của doanh nghiệp.

Đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, tình hình càng phức tạp hơn. Đã có một số trường hợp đơn vị đã hình thành nguồn vốn sở hữu của mình là vốn ảo (vay ngân hàng hoặc vay tư nhân, ký quỹ để thành lập công ty, khi đã có giấy phép xong thì tháo khoán để trả nợ thực chất công ty không có vốn) sổ sách kế toán không rõ ràng, kinh doanh không kế hoạch chỉ theo thời cơ, khả năng và trình độ quản lý còn rất yếu kém, theo thống kê cán bộ quản lý của các công ty ngoài quốc doanh có trình độ đại học chưa đến 10%. Có nhiều đơn vị khi đến ngân hàng xin vay, cán bộ tín dụng đòi hỏi bảng tổng kết tài sản, thỉnh thoảng nhận được câu nói đùa "muốn có bảng tổng kết tài sản như thế nào, cho lời bao nhiêu?"

Như vậy đối với các đơn vị quốc doanh cũng như ngoài quốc doanh, ngân hàng đang đối đầu với tình hình không thuận lợi.

Toàn quốc có 6.000 đơn vị quốc doanh, 30.460 đơn vị ngoài quốc doanh đa số đều có vay vốn lưu động của ngân hàng, theo ngành tài chính 20% đơn vị quốc doanh hoạt động có hiệu quả, 40% hoạt động cầm chừng còn lại là lỗ lã và như đã phân tích ở trên thì tín dụng ngân hàng đang đứng trước những nguy cơ rủi ro mà phần lớn là do những yếu tố khách

quan tác động.

Đề xuất:

(1) Công khai hóa tình hình tài chính quốc doanh bằng kiểm toán độc lập.

(2) Vốn sở hữu vẫn là một trong những yếu tố bảo đảm cho món nợ vay ngân hàng cho nên đề nghị tăng vốn cho những đơn vị quốc doanh. Trước mắt chuyển quyền sở hữu hợp pháp các tài sản cho các đơn vị quốc doanh.

(3) Cần quy định rõ ràng mức trách nhiệm đối với các hành vi kinh doanh của các đơn vị quốc doanh là vô hạn hay hữu hạn bằng các văn bản chính thức để ngân hàng có thể định lượng được những khoản tín dụng thích hợp.

(4) Đối với những đơn vị quốc doanh, Bộ Tài chính cần thanh tra định kỳ tình hình tài chính các doanh nghiệp và có những biện bản chính thức để tăng cường yếu tố chống rủi ro cho tín dụng ngân hàng. Đối với những đơn vị ngoài quốc doanh, cơ quan chủ quản nên có những biện pháp kiểm soát tài chính bằng cách duyệt xét vào các bảng tổng kết tài sản vào cuối mỗi niên độ để ngân hàng có thêm yếu tố thẩm định hầu giảm bớt rủi ro.

6. Rủi ro do trình độ và năng lực của cán bộ ngân hàng

Trong một số vụ rủi ro tín dụng đã xảy ra thì có nguyên nhân là do trình độ quản lý của lãnh đạo, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ các phòng ban còn yếu kém. Đôi khi những rủi ro tín dụng loại này có mức độ thiệt hại rất lớn cho ngân hàng. Ban lãnh đạo không có chuyên môn ngân hàng, cán bộ các phòng ban không có năng lực nghiệp vụ, không có khả năng phân tích đánh giá thẩm định đều là những nguy cơ cao dẫn đến rủi ro tín dụng, xuất phát từ những khoản cấp tín dụng không thể thu hồi được. Lại nữa, một khoản tín dụng được cấp xuất phát từ quyền lợi

cá nhân, phe phái mà không chứa tính liêm khiết, khách quan là một rủi ro tín dụng tiềm ẩn chắc chắn có ngày sẽ bộc phát.

Mặt khác trình độ hạn hẹp của cán bộ lãnh đạo ngân hàng còn ảnh hưởng đến việc thực thi chính sách tiền tệ của nhà nước mà trực tiếp là chính sách bảo vệ an toàn tín dụng như việc thực hiện bảo lãnh các L/C trả chậm thời gian qua.

Đề xuất: Ngân hàng Nhà nước khi bổ nhiệm hoặc phê chuẩn lãnh đạo các ngân hàng thương mại, Ban lãnh đạo các Ngân hàng thương mại khi bổ nhiệm cán bộ các phòng ban cần phải quan tâm đến khả năng chuyên môn và nhân thân của cán bộ được bổ nhiệm.

III. KẾT LUẬN

Tính đến 30.6.97 nợ quá hạn của các ngân hàng tại thành phố Hồ Chí Minh chiếm 20% tổng dư nợ.

Hệ thống ngân hàng đang đối đầu với rủi ro tín dụng quá lớn quá mức ổn định là 1%. Tựu trung lại yếu tố khách quan đang là tác nhân chính cho rủi ro tín dụng như môi trường pháp lý, môi trường kinh tế chưa ổn định, thị trường vốn trung dài hạn cũng như nghiệp vụ chiết khấu còn chưa được tiến hành thông suốt. Riêng bản thân các ngân hàng đã cố gắng cố gắng và đã có những tiến bộ lớn song vẫn chưa theo kịp đà phát triển của xã hội nhất là sự phức tạp và bất cập tất yếu của một nền kinh tế đang chuyển đổi từ bao cấp sang nền kinh tế thị trường.

Để hệ thống ngân hàng hoạt động tốt tránh được rủi ro tín dụng, tiền đề vẫn là môi trường luật pháp, kinh tế được cải thiện tốt hơn. Như vậy cần có sự góp sức của các Bộ ngành liên quan nhất là các Bộ tài chính, kinh tế, nội ngoại thương... cùng cố gắng của bản thân ngân hàng và sau hết là sự tích cực góp sức của mỗi người tùy vị trí của mình trong xã hội ■

